TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Huyên

2. Ông Chu Văn Sín

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sinh Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Tấm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lý Hữu T, sinh năm 1992 - Nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Sầm Đức Tùng – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Bàn Thị Th, sinh năm 1997 - Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

- Người làm chứng:

+ Bà Chu Thị M, sinh năm 1969 – Nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

+ Ông Bàn Tiến M, sinh năm 1975. Có mặt.

+ Bà Bàn Thị M1, sinh năm 1976. Vắng mặt không có lý do.

Cùng có nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-01-2021, nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 19/3/2021, bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Lý Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bàn Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn ngày 05/11/2015.

Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2018, nguyên nhân là do chị Th ngoại tình, có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị Th vẫn không nghe, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Đến ngày 18/11/2019, chị Th bỏ nhà đi. Năm 2020, chị Th có về nhà vài ngày sau đó lại đi và không quay về nhà nữa. Chị Th đã chuyển hộ khẩu từ thôn L về nhập hộ khẩu với bố mẹ đẻ của chị Th là ông Bàn Tiến M và bà Bàn Thị M1 ở Thôn T, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn từ ngày 19/10/2020. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay và không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Th nữa. Anh kiên quyết xin được ly hôn với chị Th.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con đẻ mà chỉ nhận nuôi 01 cháu làm con chung, cháu tên là Lý Minh Th, sinh ngày 27/05/2017. Cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Th đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do chị Th không có mặt thường xuyên tại địa phương nơi cư trú, có thái độ không hợp tác trong thời điểm giải quyết vụ án (bố, mẹ chị Thđã thông báo cho chị Th biết về yêu cầu xin ly hôn của anh T nhưng chị Th không về giải quyết), nên Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng có liên quan trong vụ án theo quy định của pháp luật. Bị đơn chị Bàn Thị Th đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ngày 28/7/2021, Tòa án đã mở phiên tòa sơ thẩm để xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, tuy nhiên, bị đơn vắng mặt không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa lần 2 vào ngày 25/8/2021.

Xác minh trưởng thôn L, trưởng thôn T, xã C xác nhận giữa chị Th, anh T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn không xác định được. Qua dư luận địa phương, được biết nguyên nhân là do chị Th có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Hai bên gia đình cũng đã khuyên nhủ đoàn tụ nhưng không được.

Biên bản ghi lời khai của ông Bàn Tiến M và bà Bàn Thị M1 (bố mẹ đẻ của chị Th) – Cùng có địa chỉ tại: Thôn T, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn trình bày: Sau khi kết hôn, anh T, chị Th về sinh sống tại Thôn L, xã C. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn đã được vài năm, nguyên nhân do anh T nghi ngờ chị Th ngoại tình, vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi cọ. Chị Th bỏ đi khỏi nhà, ông bà đã khuyên nhủ để vợ chồng đoàn tụ nhưng sau khi chị Th quay về nhà mâu thuẫn lại xảy ra. Đến tháng 9 năm 2020, chị Th bỏ về nhà và nhập hộ khẩu với gia đình ông bà cho đến nay. Chị Th hiện đi làm công nhân xa nhà, ông bà vẫn liên lạc với chị Th. Ông bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi và đã thông báo cho chị Th biết nhưng chị Th không về và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến.

Biên bản ghi lời khai của bà Chu Thị M (mẹ đẻ của anh T) –Địa chỉ tại: Thôn L, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn trình bày: Chị Th, anh Tkết hôn năm 2015, sau khi kết hôn anh chị sống chung với bà. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Th ngoại tình. Hai bên gia đình đã gặp gỡ khuyên nhủ để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Chị Th bỏ nhà đi không quan tâm đến chồng con nữa. Chị Th có biết việc Tòa án triệu tập giải quyết ly hôn nhưng cố tình không về để gây khó dễ với anh T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bàn Thị Th; yêu cầu được nuôi con chung là cháu Lý Minh Th, sinh ngày 27/5/2017. Không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Những người làm chứng giữ nguyên lời khai, không bổ sung thay đổi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo các yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*** Về việc tuân theo pháp luật TTDS:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn, người làm chứng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các điều 70, 71, 78 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Đối với bị đơn được Tòa án thông báo, niêm yết công khai các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng không có văn bản gửi ý kiến cho Tòa án, không có mặt khi được Tòa án triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp cung cấp, kiểm tra chứng cứ, phiên hòa giải - vi phạm nghĩa vụ của đương sự quy định các điều Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*** Về nội dung vụ án:** Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân

sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lý Hữu T đối với chị Bàn Thị Th về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Hữu T được ly hôn với chị Bàn Thị Th.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lý Minh Th, sinh ngày 27/5/2017 cho anh Lý Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Lý Hữu T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T khởi kiện chị Th yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh ch ấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 28/7/2021 và ngày 25/8/2021 nhưng đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16/2015, quyển số 05, ngày 05/11/2015 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Anh T xác định quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2018. Nguyên nhân là do chị Th ngoại tình, có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, mặc dù anh đã khuyên nhủ nhưng chị Th không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ. Đến năm 2019, chị Th bỏ nhà đi, không còn quan tâm đến chồng con. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Th nên yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Anh T xác định chị Th ngoại tình, mặc dù không có bằng

chứng chứng minh nhưng vì lý do đó, anh T không còn tin tưởng chị Th, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị Th nhiều lần bỏ nhà đi và hiện cả hai đều không chung sống, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị Th đã được Tòa án triệu tập làm việc và tham gia hòa giải nhưng đều vắng mặt; không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi Tòa án thụ lý vụ án, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T, chị Th đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng sự việc vẫn tiếp diễn, điều này phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh T và chị Th đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh T yêu cầu được ly hôn với chị Th là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh T, chị Th có một người con chung tên Lý Minh Th, sinh ngày 27/5/2017. Cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nguyện vọng của anh T sau khi ly hôn là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Th từ trước đến nay sống cùng bố, được sự chăm sóc từ người bố, cháu được đi học và phát triển tốt. Vì vậy, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không đề nghị chị Th cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lý Hữu T là người thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 và các Điều 227, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lý Hữu T đối với chị Bàn Thị Th về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Hữu T được ly hôn với chị Bàn Thị Th.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lý Minh Th, sinh ngày 27/5/2017 cho anh Lý Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lý Hữu T được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Huyên **Chu Văn Sín** **Hoàng Út Lệ**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Huyên **Lý Văn Trường** **Hoàng Út Lệ**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND thị trấn Nà Phặc;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Út Lệ